

Nghị quyết 79: Khu vực nhà nước giữ vững vai trò trung tâm

Lê Trần Thu Hằng

Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Nghị quyết 79-NQ/TW của Bộ Chính trị, ban hành ngày 6/1/2026, tái khẳng định khu vực nhà nước là trụ cột hàng đầu của nền kinh tế, có nhiệm vụ bảo vệ sự ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì các cân cân quan trọng và đảm bảo an ninh quốc gia.
- Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu có 50 doanh nghiệp nhà nước nằm trong top 500 Đông Nam Á, 1-3 doanh nghiệp trong top 500 thế giới và tối thiểu 3 NHTM có vốn nhà nước nằm trong top 100 châu Á, hỗ trợ sự phát triển vững chắc của BID, CTG & VCB.
- Chúng tôi đánh giá Nghị quyết 79 là một bước đột phá lớn về cải cách doanh nghiệp nhà nước. Cùng với Nghị quyết 68, nghị quyết này hỗ trợ tham vọng đạt vị thế thu nhập trung bình cao vào năm 2030 & thu nhập cao vào năm 2045 của Việt Nam. Do nghị quyết này chưa có các mục tiêu định lượng cụ thể cho doanh nghiệp nhà nước so với Nghị quyết 68 nên nhiều khả năng Chính phủ sẽ ban hành thêm các hướng dẫn cụ thể.

Nghị quyết 79: Những thông tin chính

[Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị](#), ban hành ngày 6/1/2026, tái khẳng định khu vực nhà nước là trụ cột hàng đầu của nền kinh tế, đưa ra định hướng chiến lược, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô & an ninh quốc gia. Đến năm 2030, Nghị quyết 79 đặt mục tiêu có 50 doanh nghiệp nhà nước nằm trong top 500 Đông Nam Á, 1-3 doanh nghiệp trong top 500 thế giới và tối thiểu 3 NHTM có vốn nhà nước nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất châu Á dựa trên tổng tài sản, hỗ trợ tăng trưởng mạnh mẽ cho BID, CTG và VCB. Đối với việc triển khai, Nghị quyết 79 chuyển đổi từ giám sát trước sang giám sát sau và quy định việc chuyển đổi SCIC thành một quỹ đầu tư quốc gia

Quan điểm của HSC về Nghị quyết 79 và so sánh với Nghị quyết 68

HSC nhận thấy Nghị quyết 79 và [Nghị quyết 68](#) mang tính bổ sung lẫn nhau do cả hai nghị quyết này đều hướng tới mục tiêu chung là đưa Việt Nam đạt vị thế quốc gia có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045. Dưới tầm nhìn chung này, Nghị quyết 79 hướng tới sự ổn định kinh tế vĩ mô, củng cố khuôn khổ thể chế và chính sách thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, trong khi Nghị quyết 68 tái khẳng định khu vực tư nhân là động lực tăng trưởng chính, hiện đang đóng góp lớn nhất cho nền kinh tế (50% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và khoảng 82% tổng số việc làm).

Nghị quyết 79 không đặt ra các mục tiêu cụ thể cho khu vực nhà nước như Nghị quyết 68 đối với khu vực tư nhân, như đóng góp GDP, việc làm hoặc cổ phần hóa, điều này cho thấy kế hoạch hành động sẽ tiếp tục được đưa ra. Ngoài ra, trong khi cả hai nghị quyết đều hướng tới việc hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, thì thời hạn đã được lùi sang năm 2026 trong Nghị quyết 79 từ năm 2025 trong Nghị quyết 68. Nghị quyết số 79 cũng đưa ra những cải cách quy định sâu rộng hơn về quản lý đất đai với Luật Đất đai sửa đổi và các khung pháp lý liên quan trong năm 2026, điều này cho thấy Luật Đất đai năm 2024 có thể sẽ được sửa đổi một lần nữa, cùng những sửa đổi về [Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản](#).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 12/1.

Bảng 1: So sánh giữa Nghị quyết 68 và Nghị quyết 79

Cả hai chính sách đều đề ra các khuôn khổ hỗ trợ và mục tiêu đối với các doanh nghiệp nhà nước và khu vực tư nhân, đồng thời cùng hướng tới một mục tiêu chung

Tiêu chí	Nghị quyết 68 (Khu vực tư nhân)	Nghị quyết 79 (Khu vực nhà nước)
Vai trò then chốt	Động lực quan trọng nhất của nền kinh tế	Giữ vai trò chủ đạo và nòng cốt
Chức năng chính	Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất	Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, dẫn dắt các lĩnh vực chiến lược, bảo vệ an ninh kinh tế
Cách tiếp cận chính sách	Tạo điều kiện và hỗ trợ; tháo gỡ rào cản, bảo vệ quyền sở hữu tài sản	Quản lý và giám sát; thực hiện quyền sở hữu, kiểm soát, tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả
Cách diễn giải chính sách	Nhấn mạnh vai trò trong tăng trưởng, hiệu quả, đổi mới và năng suất	Nhấn mạnh vai trò trong ổn định, định hướng phát triển và kiểm soát rủi ro hệ thống
Chỉ tiêu đánh giá thành công	Số lượng doanh nghiệp, tỷ trọng đóng góp GDP, cải thiện năng suất, năng lực đổi mới sáng tạo, mức độ tham gia chuỗi giá trị	Hiệu quả sử dụng vốn, ổn định hệ thống, vai trò dẫn dắt trong các ngành then chốt
Ngôn ngữ / giọng điệu chính sách	Nhấn mạnh "xóa bỏ định kiến", "niềm tin" và "đổi xử bình đẳng"	Nhấn mạnh "chiến lược", "dẫn dắt" và "kiểm soát hệ thống"
Các mục tiêu trọng tâm	Đến 2030: đóng góp 55–58% GDP, đạt tăng trưởng 10-12%, tạo ra 84-85% tổng số lượng việc làm & khoảng 2 triệu doanh nghiệp; ít nhất 20 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; nằm trong Top 3 ASEAN và Top 5 châu Á về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đến 2045: đóng góp >60% GDP, khoảng 3 triệu doanh nghiệp; tham gia sâu vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; ưu tiên phát triển, phát huy tối đa sức mạnh khu vực tư nhân	Đến 2030: quản lý hiệu quả đất đai, tài nguyên và hạ tầng chiến lược; ngân sách Nhà nước: thu ~18% GDP, bội chi ~5%, nợ công <60% GDP, chi đầu tư phát triển 35-40%; DNNN: 50 doanh nghiệp lọt Top 500 ASEAN, 1-3 doanh nghiệp vào Top 500 toàn cầu; các NHTM Nhà nước: 3 ngân hàng vào Top 100 châu Á; đơn vị sự nghiệp công được tinh gọn, tăng tỷ chủ và mở rộng sự tham gia của khu vực tư nhân. Đến 2045: dự trữ quốc gia đạt 2% GDP, 5 DNNN vào Top 500 toàn cầu

Nguồn: Baochinhphe.vn, Thuvienphapluat, HSC

Nghị quyết 79: Thúc đẩy cải cách doanh nghiệp nhà nước

Nghị quyết Bộ Chính trị số 79-NQ/TW, ban hành ngày 6/1/2026, tái khẳng định khu vực nhà nước là trụ cột của nền kinh tế, đồng thời đặt ra các mục tiêu quan trọng cho sự phát triển của các doanh nghiệp nhà nước, bao gồm có 50 doanh nghiệp nhà nước nằm trong top 500 Đông Nam Á, 1-3 doanh nghiệp trong top 500 thế giới và tối thiểu 3 NHTM có vốn nhà nước nằm trong top 100 châu Á vào năm 2030. Chúng tôi đánh giá Nghị quyết 79 đóng vai trò quan trọng cho khu vực nhà nước, góp phần củng cố khuôn khổ thể chế hiện hành. Từ đó, cùng với Nghị quyết 68, hướng đến mục tiêu đạt vị thế thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045. Với tầm nhìn chung này, khu vực tư nhân (hiện đóng góp 50% GDP) đóng vai trò là động lực tăng trưởng quan trọng nhất, trong khi khu vực nhà nước đưa ra định hướng chiến lược và ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là ở các lĩnh vực trọng điểm như năng lượng, cơ sở hạ tầng, an ninh và tài chính.

Nghị quyết 79: Những thông tin chính

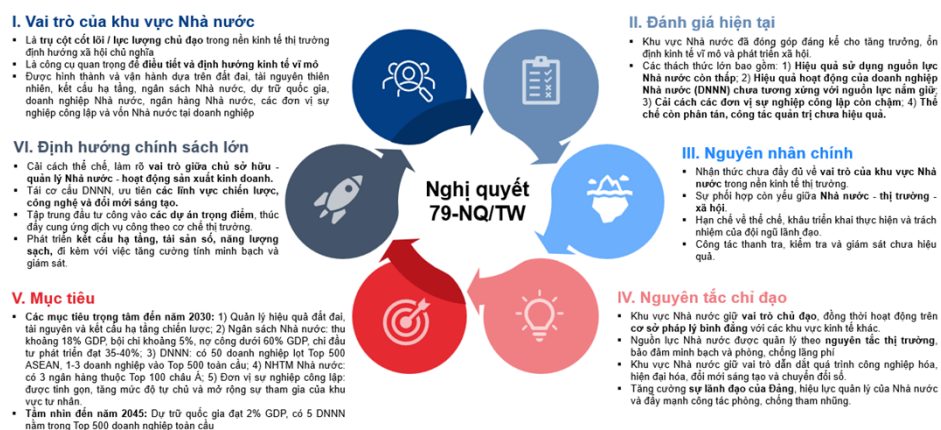
Gần đây, Tổng Bí thư đã ký và ban hành [Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị](#), ngày 6/1/2026, về phát triển khu vực nhà nước. Theo Nghị quyết 79, khu vực nhà nước được khẳng định là một trụ cột của nền kinh tế, đồng thời nêu rõ các mục tiêu quan trọng về vị thế toàn cầu của các doanh nghiệp nhà nước và năng lực tài chính của quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới.

Cụ thể, đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu có 50 doanh nghiệp nhà nước nằm trong top 500 Đông Nam Á, bao gồm 1-3 doanh nghiệp trong top 500 thế giới và tối thiểu 3 NHTM có vốn nhà nước nằm trong top 100 châu Á dựa trên tổng tài sản, cũng cố tăng trưởng của BID, CTG và VCB. Tất cả các doanh nghiệp nhà nước được kỳ vọng sẽ áp dụng quản trị doanh nghiệp hiện đại, số hóa, với 100% các tập đoàn kinh tế nhà nước áp dụng khuôn khổ quản trị của OECD. Đến năm 2045, Việt Nam đặt mục tiêu nâng dự trữ ngoại hối lên 2% GDP, có khoảng 60 doanh nghiệp nhà nước nằm trong top 500 Đông Nam Á và 5 doanh nghiệp trong top 500 thế giới.

Nghị quyết bắt đầu bằng việc chỉ ra những thách thức chính của khu vực nhà nước. Sau gần 40 năm đổi mới, mặc dù luôn được định vị là lực lượng dẫn đầu nhưng hiệu quả hoạt động của khu vực nhà nước vẫn chưa bắt kịp quy mô và phạm vi nguồn lực được giao, điều này có thể do những hạn chế trong tư duy quản lý và một khuôn khổ pháp lý & thể chế chưa hoàn thiện & đồng bộ.

Biểu đồ 2: Tóm tắt Nghị quyết 79-NQ/TW

HSC kỳ vọng sẽ có thêm các hướng dẫn triển khai do hiện nay Nghị quyết 79 chưa đưa ra các mục tiêu cụ thể đối với doanh nghiệp Nhà nước, đặc biệt khi so sánh với Nghị quyết 68 dành cho khu vực tư nhân



Nguồn: Baochinhhphu.vn, HSC

Từ đó, Nghị quyết 79 là lời kêu gọi hành động rõ ràng. Nghị quyết tái khẳng định vị thế dẫn đầu của khu vực nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu bao quát là bảo vệ sự ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì các cán

cân kinh tế trọng yếu, định hướng phát triển chiến lược và đảm bảo quốc phòng & an ninh. Trọng tâm của mục tiêu này là huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trọng yếu thuộc sở hữu, quản lý hoặc kiểm soát của nhà nước, bao gồm đất đai, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng và vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp. Ngoài ra, Nghị quyết 79 cũng nhấn mạnh rằng khu vực nhà nước hoạt động trên cơ sở pháp lý bình đẳng với các khu vực kinh tế khác và được kỳ vọng sẽ cùng tồn tại, hợp tác trong dài hạn.

Về mặt triển khai, việc giám sát quy định sẽ chuyển dịch từ kiểm soát trước khi thực hiện sang giám sát sau khi thực hiện, đồng thời Nghị quyết cũng quy định việc tái cấu trúc Tổng công ty Đầu tư Vốn Nhà nước (SCIC) trở thành một quỹ đầu tư quốc gia, trong đó SCIC được kỳ vọng sẽ tập trung vốn nhà nước vào các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn, hiệu quả cao, cũng như vào các dự án công nghệ cao, các sáng kiến đổi mới và các thương vụ mua bán sáp nhập chiến lược, bao gồm cả các khoản đầu tư tiềm năng ra nước ngoài. Chúng tôi tóm tắt những thông tin chính của Nghị quyết 79 trong Biểu đồ 2.

Quan điểm của chúng tôi về Nghị quyết 79 và so sánh với Nghị quyết 68

HSC nhận thấy đã xuất hiện những câu hỏi liên quan đến ngôn ngữ và sự nhấn mạnh của Nghị quyết 79 so với [Nghị quyết 68](#), đặc biệt là khi Nghị quyết 68 định nghĩa rõ ràng khu vực tư nhân là “động lực quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế, đóng góp khoảng 50% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và khoảng 82% tổng số việc làm”, trong khi Nghị quyết 79 mô tả khu vực nhà nước là “một thành phần đặc biệt quan trọng của nền kinh tế”.

Theo chúng tôi, hai nghị quyết này mang tính bổ trợ cho nhau. Nghị quyết 79 cùng với Nghị quyết 68 sẽ giúp củng cố chính sách và cơ cấu thể chế của Việt Nam, chuẩn bị cho kỷ nguyên phát triển mới (Mời xem phân tích của chúng tôi về [triển vọng tăng trưởng dài hạn của Việt Nam](#)). Mục tiêu cuối cùng của cả hai nghị quyết đều là thúc đẩy tham vọng của Việt Nam đạt vị thế nền kinh tế thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045.

Khi so sánh hai nghị quyết, chúng tôi nhận thấy 3 phát hiện quan trọng. Thứ nhất, Nghị quyết 79 không đặt ra các mục tiêu định lượng quan trọng cho khu vực nhà nước như Nghị quyết 68 đặt ra cho khu vực tư nhân, như đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, số lượng việc làm hoặc thời gian cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước. Thay vào đó, Nghị quyết 79 tập trung hơn vào các số liệu tài khóa tổng thể, huy động nguồn lực và ổn định ngân sách và cân bằng tài chính. Do đó, chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ ban thành các kế hoạch hành động chi tiết và cụ thể hơn để hỗ trợ triển khai hiệu quả.

Thứ hai, trong khi cả hai nghị quyết đều đặt ra mục tiêu hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (mục 3.1 của Nghị quyết 68 và mục 2.1 của Nghị quyết 79), thời hạn thực hiện đã lùi lại. Nghị quyết 68 quy định thời hạn hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia liên kết với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia & các hệ thống liên quan không muộn hơn năm 2025, trong khi Nghị quyết 79 hiện đặt mục tiêu hoàn thành khảo sát đất đai trên toàn quốc, số hóa, làm sạch dữ liệu & tích hợp hệ thống vào năm 2026.

Ngoài ra, Nghị quyết 79 còn nêu rõ tại mục 2.1 rằng khuôn khổ pháp lý về quản lý đất đai sẽ tiếp tục được hoàn thiện, trong đó Luật Đất đai sửa đổi và các quy định thực hiện dự kiến ban hành vào năm 2026. Theo đó, Luật Đất đai năm 2024 có thể tiếp tục được sửa đổi vào năm 2026, cùng với các [sửa đổi dự kiến đối với Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản](#).

Nhìn chung, nếu so sánh Nghị quyết 79 và Nghị quyết 68, Nghị quyết 79 có thể được xem là thiết lập khuôn khổ thể chế tổng thể và lộ trình chiến lược cho các doanh nghiệp nhà nước thông qua việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và hệ thống, đặc biệt là ở các lĩnh vực chiến lược quốc gia như an ninh, năng lượng, cơ sở hạ tầng và tài chính, trong khi Nghị quyết 68, định vị khu vực tư nhân là động lực tăng trưởng quan trọng nhất, hợp tác để thúc đẩy tầm nhìn chung đó.

Trong bối cảnh này, tăng trưởng bền vững chỉ có thể đạt được khi tất cả các lực lượng kinh tế, cả nhà nước và tư nhân, được công nhận và huy động đầy đủ. Tóm lại, cả hai nghị quyết đều xây dựng nền tảng cho mục tiêu “Đổi Mới 2.0”, với tác động chính sách kết hợp từ hai động lực này.

Bảng 3: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023E	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.58	8.10	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	143	153	164
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.20	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.1	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	15.1	18.0	19.0	19.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	24,418	28,691
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	17.5	17.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	3.5	3.6
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.2	4.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn